

VPCP R

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 89 /2021/TT-BTC

Hà Nội, ngày 11 tháng 10 năm 2021

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: ...C...
	Ngày: ...26/10/21...

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

THÔNG TƯ

CÔNG VĂN BẢN

GiờC Ngày ...26/10.....

Kính chuyển:(2).....

**Quy định quản lý, kiểm soát cam kết chi ngân sách nhà nước
qua Kho bạc Nhà nước**

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 63/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Dự trữ quốc gia; Kho bạc Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 26/2015/QĐ-TTg ngày 08 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Kho bạc Nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Tổng Giám đốc Kho bạc Nhà nước;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định quản lý, kiểm soát cam kết chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định việc quản lý, kiểm soát cam kết chi ngân sách

nhà nước qua Kho bạc Nhà nước áp dụng đối với các khoản chi ngân sách nhà nước được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao dự toán ngân sách nhà nước, kế hoạch vốn hằng năm, cụ thể:

a) Tất cả các khoản chi thường xuyên sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao dự toán ngân sách nhà nước hằng năm có hợp đồng mua bán hàng hóa, dịch vụ, xây lắp với giá trị từ 200 triệu đồng trở lên được thực hiện và thanh toán từ 02 năm ngân sách trở lên.

b) Tất cả các khoản chi đầu tư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao kế hoạch vốn hằng năm có hợp đồng mua bán hàng hóa, dịch vụ, xây lắp với giá trị từ 1.000 triệu đồng trở lên.

2. Thông tư này không áp dụng việc quản lý, kiểm soát cam kết chi đối với các trường hợp sau:

a) Các khoản chi của ngân sách xã; các dự án, công trình do xã, phường, thị trấn làm Chủ đầu tư;

b) Các khoản chi cho lĩnh vực an ninh, quốc phòng (bao gồm các khoản chi thường xuyên, đầu tư);

c) Các khoản chi thực hiện nghĩa vụ trả nợ của Chính phủ; nợ chính quyền địa phương;

d) Các khoản chi từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài theo phương thức tài trợ chương trình, dự án; chi viện trợ trực tiếp; các khoản chi từ vốn đối ứng của các dự án ODA; các khoản chi từ nguồn vốn ODA thanh toán theo cơ chế tài chính trong nước; các khoản chi từ tài khoản tiền gửi của các dự án thuộc nguồn vốn ODA;

đ) Các khoản chi góp cổ phần, đóng góp nghĩa vụ tài chính, đóng niên liễm cho các tổ chức quốc tế;

e) Các khoản chi theo hình thức lệnh chi tiền của cơ quan tài chính các cấp;

g) Các khoản chi từ tài khoản tiền gửi của các đơn vị giao dịch tại Kho bạc Nhà nước;

h) Các hợp đồng được bố trí nhiều nguồn vốn và thuộc từ 02 cấp ngân sách trở lên.

i) Các khoản chi dịch vụ công ích gồm: Hợp đồng cung cấp điện, nước, điện thoại, internet, thuê kết nối mạng (thuê đường truyền, băng thông, thuê phòng đặt máy chủ internet,...), vệ sinh công cộng, quản lý, trang trí, chăm sóc cây xanh;

k) Các khoản chi để tổ chức hội nghị, thực hiện đề tài, đề án nghiên cứu khoa học (không bao gồm các khoản mua sắm trang thiết bị phải thực hiện đấu

thầu theo quy định của Luật Đấu thầu và thuộc phạm vi phải thực hiện cam kết chi), các khoản chi mua vé máy bay, mua vé phương tiện vận tải đường bộ, đường thủy, mua xăng dầu;

l) Các khoản chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, trừ trường hợp chủ đầu tư ký hợp đồng trực tiếp với các nhà thầu để thực hiện xây dựng khu tái định cư, phá dỡ công trình cũ, chi phí rà phá bom mìn, di chuyển hạ tầng kỹ thuật như đường điện, nước, hệ thống thông tin, liên lạc;

m) Các hợp đồng của công trình xây dựng đặc thù (bao gồm công trình bí mật nhà nước, công trình xây dựng khẩn cấp) theo quy định của pháp luật về xây dựng;

n) Các khoản chi hoàn thuế, các khoản chi hoàn trả vốn ứng trước từ dự toán được giao;

o) Các hợp đồng của các khoản chi thuộc Chương trình mục tiêu, Chương trình mục tiêu Quốc gia do đơn vị sử dụng ngân sách ký hợp đồng với các cá nhân, hộ dân, tổ, đội thợ;

p) Hợp đồng mà nhà cung cấp là các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị xã hội thực hiện, các đơn vị không có mã số thuế (hợp đồng tuyên truyền do đoàn thanh niên hay cơ quan báo chí thực hiện, các hợp đồng đảm bảo an toàn giao thông do thanh tra giao thông hay cơ quan công an thực hiện,...); Hợp đồng cung cấp dịch vụ tại nước ngoài (nếu có);

q) Các trường hợp giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công và đặt hàng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng thực hiện quản lý, kiểm soát cam kết chi

a) Đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước, chủ đầu tư, Ban quản lý dự án (sau đây gọi chung là đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước).

b) Các đơn vị Kho bạc Nhà nước.

2. Đối tượng được chia sẻ thông tin báo cáo cam kết chi

Các bộ, cơ quan Trung ương và địa phương (gồm: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương).

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. TABMIS: là Hệ thống thông tin quản lý ngân sách - Kho bạc.
2. Hợp đồng thực hiện và thanh toán từ 02 năm ngân sách trở lên: là hợp đồng được ký kết giữa đơn vị sử dụng ngân sách với nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ, nhà thầu xây lắp trong đó thời gian thực hiện hợp đồng và kinh phí bố trí thanh toán cho hợp đồng đó từ 02 năm ngân sách trở lên.
3. Cam kết chi thường xuyên đối với hợp đồng thực hiện và thanh toán từ 02 năm ngân sách trở lên: là việc đơn vị sử dụng ngân sách cam kết sử dụng dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước được giao hằng năm (có thể một phần hoặc toàn bộ dự toán được giao hằng năm) để thanh toán cho hợp đồng đã được ký giữa đơn vị sử dụng ngân sách với nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ. Giá trị của khoản cam kết chi là số tiền dự kiến bố trí cho hợp đồng đó trong năm ngân sách, đảm bảo trong phạm vi dự toán năm được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao và giá trị hợp đồng còn được phép cam kết chi.
4. Cam kết chi đầu tư: là việc chủ đầu tư cam kết sử dụng kế hoạch vốn đầu tư được giao hằng năm (có thể một phần hoặc toàn bộ kế hoạch vốn được giao hằng năm) để thanh toán cho hợp đồng đã được ký giữa chủ đầu tư với nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ, nhà thầu xây lắp. Giá trị của khoản cam kết chi đầu tư bằng số kinh phí dự kiến bố trí cho hợp đồng trong năm, đảm bảo trong phạm vi kế hoạch vốn năm được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao và giá trị hợp đồng còn được phép cam kết chi.
5. Giá trị hợp đồng còn được phép cam kết chi: là chênh lệch giữa giá trị của hợp đồng với tổng giá trị của các khoản đã cam kết chi cho hợp đồng đó (bao gồm số cam kết chi đã được thanh toán).
6. Dự toán ngân sách nhà nước còn được phép sử dụng:
 - a) Đối với chi thường xuyên: là chênh lệch giữa dự toán ngân sách nhà nước được sử dụng trong năm của đơn vị với tổng số tiền các khoản đã cam kết chi chưa được thanh toán và số tiền đã thanh toán trong năm (bao gồm tạm ứng và thanh toán khối lượng hoàn thành).
 - b) Đối với chi đầu tư: là chênh lệch giữa kế hoạch vốn được sử dụng trong năm của một dự án đầu tư với tổng giá trị của các khoản đã cam kết chi trong năm chưa được thanh toán và tổng số tiền đã thực hiện thanh toán trong năm của dự án đó (bao gồm tạm ứng và thanh toán khối lượng hoàn thành).
7. Số cam kết chi (thường xuyên, đầu tư): là mã số do hệ thống TABMIS tạo ra đối với từng khoản cam kết chi để theo dõi, quản lý khoản cam kết chi đó trên hệ thống TABMIS.

8. Trang thông tin dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước: là trang thông tin điện tử, nơi cung cấp các dịch vụ hành chính công thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước cho các đơn vị giao dịch với Kho bạc Nhà nước trên môi trường mạng. Trang thông tin dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước đặt trên mạng internet tại địa chỉ: <https://dvc.vst.mof.gov.vn> và được tích hợp với Cổng dịch vụ công của Bộ Tài chính theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; tích hợp với Cổng dịch vụ công Quốc gia theo Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Danh mục dịch vụ công tích hợp, cung cấp trên cổng Dịch vụ công Quốc gia năm 2020.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý, kiểm soát cam kết chi qua KBNN

1. Tất cả các khoản chi ngân sách nhà nước đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao dự toán hàng năm đối với chi thường xuyên hoặc giao kế hoạch vốn đối với chi đầu tư (bao gồm dự toán ứng trước), có hợp đồng theo quy định tại Điều 1 Thông tư này phải được quản lý, kiểm soát cam kết chi qua Kho bạc Nhà nước.

Trường hợp có sự điều chỉnh tăng giá trị hợp đồng từ mức không phải thực hiện kiểm soát cam kết chi lên mức phải thực hiện kiểm soát cam kết chi thì đơn vị sử dụng ngân sách không phải làm thủ tục kiểm soát cam kết chi.

Đối với hợp đồng đã thực hiện quản lý, kiểm soát cam kết chi, trường hợp điều chỉnh giá trị hợp đồng dẫn đến phải điều chỉnh số tiền đơn vị sử dụng ngân sách đã thực hiện cam kết chi, đơn vị sử dụng ngân sách phải làm thủ tục điều chỉnh cam kết chi với Kho bạc Nhà nước.

Đối với chi thường xuyên, trường hợp hợp đồng có giá trị từ 200 triệu đồng trở lên, có thời gian thực hiện trong 01 năm ngân sách, trong quá trình thực hiện, đơn vị điều chỉnh thời gian thực hiện hợp đồng từ 01 năm ngân sách lên 02 năm ngân sách thì đơn vị không phải làm thủ tục kiểm soát cam kết chi với Kho bạc Nhà nước.

2. Các khoản cam kết chi ngân sách nhà nước phải được hạch toán bằng đồng Việt Nam; các khoản cam kết chi ngân sách nhà nước bằng ngoại tệ được theo dõi theo nguyên tệ, đồng thời, được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá hạch toán ngoại tệ hàng tháng do Bộ Tài chính quy định để hạch toán cam kết chi theo quy định tại Điều 14 Thông tư này.

Trường hợp khoản cam kết chi ngân sách nhà nước có nhiều nguồn vốn NSNN, hạch toán chi tiết theo số tiền được cam kết chi của từng nguồn vốn NSNN.

3. Cam kết chi chỉ được thanh toán khi số tiền đề nghị thanh toán nhỏ hơn